

**CÔNG TY TNHH SX XD TM DV TIỀN PHÁT NLT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SX XD TM DV TIỀN PHÁT NLT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502483035

**3. Ngày thành lập:** 23/08/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu phố Phước Lập, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0907705205

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                              | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cửa cuốn, cửa tự động; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung                                                                                                                                       | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất.                                                                                                                                                                                              | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Hoạt động xây dựng kết cấu công trình                                                                                                                                                                             | 4390     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                               | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế, giá sách, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn sàn gỗ công nghiệp, sàn gỗ tự nhiên và vật liệu trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện,... | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và các loại vật tư công nghiệp               | 4659     |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                | 4662     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng như: Đá, cát, sỏi...; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn xi măng, nhựa đường; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; | 4663        |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép...                                                                                                                                  | 4669        |
| 11. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn, giám sát xây dựng. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Lập dự án đầu tư. Quản lý dự án xây dựng công trình.                                 | 7110        |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động thiết kế và thi công nội thất                                                                                                                                                                                                          | 7410        |
| 13. | Hoàn thiện sản phẩm dệt<br>Chi tiết: In lụa trên trang phục                                                                                                                                                                                                                                  | 1313        |
| 14. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác<br>Chi tiết: Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác                                                                                                                                                                  | 1391        |
| 15. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>Chi tiết: May gia công                                                                                                                                                                                                                     | 1410(Chính) |
| 16. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                         | 1430        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics                                                                                                                                                                             | 5229        |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng                                                                                                                                       | 7730        |
| 19. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8121        |
| 20. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                            | 8129        |
| 21. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các loại vật tư công nghiệp                                                                                                                                                                                                       | 3290        |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4101        |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102        |
| 24. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4212        |
| 25. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4221        |
| 26. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                          | 4222        |
| 27. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                           | 4223        |
| 28. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công cộng                                                                                                                                                                                                                 | 4229        |

|     |                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, Thi công xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng công cộng, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, Lắp đặt, thi công hệ thống cấp thoát nước | 4299 |
| 30. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                   | 4311 |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                          | 4312 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                    | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: SẮM CÔNG NĂM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/08/1985

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075085000990

Ngày cấp: 01/06/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Khu phố Phước Lập, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Phước Lập, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: SẮM CÔNG NĂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/08/1985

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075085000990

Ngày cấp: 01/06/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Khu phố Phước Lập, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Phước Lập, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu